TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Bản án số: 1180/2022/HNGĐ-ST Ngày 02-8-2022 V/v tranh chấp ly hôn	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thuý Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Sơn;

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 588/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 317/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm: 1978 (Có mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 216 đường Qu, tổ 33, khóm 4, Phường 6, Thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông Võ Thanh S, sinh năm: 1978 (Vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 53A, đường số 625, tổ 6, ấp M, xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 10/01/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thủy T trình bày:*

Bà và ông Võ Thanh S quen biết nhau do mai mối, có tìm hiểu nhưng không kỹ, tuy nhiên vợ chồng bà vẫn tự nguyện kết hôn, xây dựng gia đình năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C, có tổ chức cưới.

Sau khi xây dựng gia đình, vợ chồng bà sinh sống tại gia đình chồng, sống hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông S là người gia trưởng, thường bạo hành tinh thần và thể xác đối với bà, cũng từ năm 2013 bà bỏ về nhà cha mẹ ruột tại Thành phố C, tỉnh Đồng Tháp sinh sống, bà muốn về quê để ông S nhận thấy những khuyết điểm của mình và sửa đổi nhưng trái lại, ông S còn về quê bà và có những hành vi đe dọa đến tính mạng của bà. Bà nhận thấy bà và ông S đã xa nhau hơn 10 năm, không ai còn quan tâm đến ai, năm 2014 ông S cũng đã nộp đơn xin ly hôn với bà nhưng

do bà đã về quê sinh sống nên hồ sơ ly hôn chưa giải quyết được, nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn.

Bà và ông S có 02 con chung, 01 con chung đã trưởng thành tên Võ Thị Cẩm T1, sinh ngày 22/8/2001 và 01 con chung chưa trưởng thành tên Võ Thanh T2, sinh ngày 05/9/2007. Năm 2013 khi về quê bà có dẫn 02 con theo và có nói ông S gửi giấy tờ của các con về quê để bà lo thủ tục cho các con ăn học nhưng ông S không gửi, vì tương lai của các con nên bà phải gửi con lại cho bên chồng và cắt đứt liên lạc cho đến nay. Bà đồng ý giao 02 con cho ông S nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung bà và ông S tự thỏa thuận, nợ chung không có.

** Bị đơn là ông Võ Thanh S vắng mặt.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 10/01/2022, bà Nguyễn Thị Thủy T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Võ Thanh S, con chung có 02 cháu, 01 cháu đã trưởng thành và 01 cháu chưa trưởng thành, bà đồng ý giao con chung chưa trưởng thành cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung bà không tranh chấp, nợ chung không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn là ông S cư trú tại số 53A, đường số 625, tổ 6, ấp M, xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn là ông Võ Thanh S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa (ông S trực tiếp nhận các văn bản tố tụng) nhưng vẫn không đến Tòa án, do đó Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên Tòa vắng mặt ông S theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Thủy T và ông Võ Thanh S tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 84, quyển số 01/2000 do Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C cấp ngày 29/9/2000, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của bà T thì bà và ông S quen biết nhau qua mai mối, có tìm hiểu nhau tuy không kỹ nhưng tự nguyện xây dựng gia đình, sau khi xây dựng gia đình hai bên chung sống tại gia đình ông S, quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn xảy ra do ông S là người gia trưởng, thường xuyên bạo hành về tinh thần và thể xác đối với bà, vì không chịu đựng được nên từ năm 2013 bà đã về quê ở tỉnh Đồng Tháp sinh sống cho đến nay đã gần 10 năm, bà và ông S cũng ly thân từ đó, hiện không còn liên lạc với nhau, bà nhận thấy mục đích hôn nhân giữa bà và ông S không đạt nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét ông S không đến Tòa án theo2giấy triệu tập để cung cấp lời khai, điều đó

cho thấy ông S không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng với bà Tiên, do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do bà T cung cấp, hiện bà T và ông S không còn sống cùng một nơi đã gần 10 năm, do vậy không cần thiết phải xác minh về tình trạng hôn nhân của bà T và ông S tại địa phương theo quy định tại Điều 208 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xét tình trạng quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông S đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông S là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Bà T và ông S có 02 con chung, 01 con chung đã trưởng thành tên Võ Thị Cẩm T1, sinh ngày 22/8/2001 và 01 con chung chưa trưởng thành tên Võ Thanh T2, sinh ngày 05/9/2007, khi ly hôn bà T đồng ý giao cháu Thanh T2 cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Xét cháu Thanh T2 hiện đang sống cùng cha và có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha, để ổn định tâm sinh lý của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu Thanh T2 cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do ông S không đến Tòa án để có ý kiến về con nên nếu sau này ông có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ được Tòa án giải quyết ở một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Bà T xác định bà và ông S không tranh chấp.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà T xác định không có.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thủy T về việc cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thủy T và ông Võ Thanh S.

Kể từ ngày Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 84, quyển số 01/2000 do Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C cấp ngày 29/9/2000 cho bà T và

ông S không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà T và ông S có 02 con chung Võ Thị Cẩm T1, sinh ngày 22/8/2001 và 01 con chung chưa trưởng thành tên Võ Thanh T2, sinh ngày 05/9/2007.

Giao cháu Thanh T2 cho ông S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không cấp dưỡng nuôi con,

Dành quyền khởi kiện cho ông S trong trường hợp ông S có tranh chấp yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Bà T xác định bà và ông S tự thỏa thuận, không tranh chấp.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà T xác định không có.

5. Về án phí sơ thẩm:

Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0044344 ngày 15/4/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA